

Nâng cao hiệu quả của hoạt động cặp nhóm trong lớp học ngoại ngữ

Trần Thu Hà*

* Tổ ESP, khoa Sư phạm Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG, Hà Nội

Received: 7/03/2023; Accepted: 9/03/2023; Published: 26/3/2023

Abstract: This paper is designed to offer suggestions on how to use small groups in order to facilitate learning and instructional diversity in face-to-face classes. It will begin with an overview of the advantages and disadvantages of working in a pair and group and then discuss some of the methods available to enhance pair and group learning and communication in an EFL classroom.

Key words: pair work, group work, tertiary students, EFL classroom

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ về mọi mặt của xã hội hiện đại yêu cầu con người phải được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết. Đặc biệt trong xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa và sự bùng nổ thông tin của cách mạng công nghiệp 4.0 như hiện nay thì yêu cầu cấp bách của ngành giáo dục nước ta đó là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp đầy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo ngành giáo dục, trong đó có giáo dục đại học cần tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp và xem việc đổi mới phương pháp dạy học như là khâu đột phá cho quá trình này.

Hiện nay, việc đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của người học đang được cả hệ thống giáo dục quan tâm và thực hiện. Dạy học theo cách này đòi hỏi giảng viên (GV) không chỉ chú tâm truyền thụ kiến thức mà còn khơi gợi, giúp SV phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong tiếp nhận tri thức, kiểm chứng thông tin một cách chính xác và lựa chọn phương pháp giải quyết vấn đề mang lại hiệu quả cao. Theo đó, bên cạnh việc trang bị cho SV hệ thống kiến thức khoa học, kỹ năng thực hành và các phẩm chất cần thiết khác thì nâng cao hiệu quả của hoạt động cặp nhóm trong lớp học nói chung và lớp học ngoại ngữ nói riêng để rèn luyện khả năng chủ động tích cực của sinh viên được chú trọng hàng đầu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Dạy học theo cặp nhóm là một phương pháp tích cực, phát huy tính năng động sáng tạo giao tiếp và hợp tác của SV. Đây là một hình thức tổ chức dạy học trong đó có sự điều khiển, hướng dẫn của GV,

lớp học được chia ra làm nhiều nhóm nhỏ liên kết lại với nhau trong một hoạt động chung. Với phương thức tương tác của các thành viên, bằng trí tuệ tập thể, sinh viên sẽ thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ được giao. Phương pháp học này ngày càng trở nên phổ biến ở các cấp học và ngành học, đặc biệt là trong các lớp học ngoại ngữ. Một số nhà giáo dục trên thế giới dùng những thuật ngữ khác nhau như hợp tác (cooperative), cộng tác (collaborative), hoặc làm việc nhóm (group work) để cùng chỉ hình thức dạy học này.

Theo Johnson & Holubec (1986), học tập cộng tác là khi SV cùng nhau làm việc để đạt được mục đích chung. Mục đích chính của phương pháp này là khuyến khích SV tham gia tích cực và được trao quyền chủ động trong quá trình học, một điều mà khó có thể thực hiện được trong lớp học truyền thống. Học tập cộng tác là một quá trình mà trong đó SV tự tìm hiểu và lĩnh hội kiến thức thông qua những trải nghiệm học tập mới ví dụ như là các cuộc hội thoại giữa SV với nhau trong các hoàn cảnh xã hội. Slavin (2011) dùng thuật ngữ học hợp tác với ý nghĩa là “phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên tổ chức sinh viên (SV) học theo từng nhóm nhỏ, làm việc cùng nhau nhằm giúp đỡ nhau học hỏi nội dung học tập”

2.2. Ưu điểm của hoạt động cặp nhóm

Cần phải hiểu rằng hoạt động cặp nhóm không phải là phương pháp giảng dạy mà là các cách thức tổ chức lớp học. Trong hoạt động theo cặp, GV chia lớp học ra làm các cặp. Mỗi SV làm việc với một người bạn của mình và tất cả các cặp cùng làm việc một lúc. Trong hoạt động nhóm, GV chia lớp thành các nhóm nhỏ (mỗi nhóm từ 4 đến 5 SV). Cũng như hoạt động theo cặp, tất cả các nhóm cùng làm việc một lúc. Tuy

nhiệm vụ của mỗi nhóm có thể khác nhau và làm việc theo cặp và theo nhóm là hai hoạt động giao tiếp có rất nhiều điểm lợi.

Thứ nhất là, chúng làm tăng sự tham gia của SV. Nếu một chủ đề trong lớp được năm hay sáu nhóm thảo luận trong cùng một thời gian thì điều này có nghĩa là số lượng người nói và thời gian thảo luận của từng cá nhân được tăng lên từ năm đến sáu lần. Hơn nữa, sự tham gia nhiều không những cuốn hút được những SV tích cực mà còn cả những SV rụt rè nữa. Họ sẽ thấy thoải mái hơn khi giao tiếp trong các nhóm nhỏ và, do đó, có thể tự diễn đạt những suy nghĩ của mình một cách tự nhiên hơn.

Thứ hai là, thông thường SV thích hoạt động theo nhóm hơn là phải trả lời GV trước lớp. Lí do là vì, khi giao tiếp trong nhóm nhỏ kiểu ngôn ngữ các em dùng để diễn đạt thường cụ thể, thân mật và các em có điều kiện để thử nghiệm ngôn ngữ mà không bị áp lực từ bên ngoài.

Điểm lợi thứ ba của hoạt động giao tiếp theo cặp hay theo nhóm là, nó giải phóng GV ra khỏi vai trò của người dạy, người sửa lỗi và người kiểm soát lớp học, cho phép SV đảm nhiệm những vai trò của người giao tiếp tự nhiên.

Một điểm lợi nữa của hoạt động giao tiếp theo cặp và theo nhóm là, trong khi tiến hành những hoạt động giao tiếp này, SV có nhiều điều kiện để giúp đỡ nhau hơn, các em sẽ học nhau một cách hữu thức hay vô thức thông qua việc chữa lỗi cho nhau và bổ xung kiến thức cho nhau và, do đó, cùng nhau phát triển các kĩ năng.

2.3. Hạn chế của hoạt động cặp nhóm

Hoạt động theo cặp nhóm có nhiều lợi thế, nhưng nếu hai hoạt động giao tiếp này không được tổ chức một cách phù hợp thì chúng rất dễ phản tác dụng và trong trường hợp này, thay vì lớp học được tổ chức theo hình thức hoạt động chung, nó sẽ trở thành một cái “chợ vỡ” vượt ra khỏi tầm kiểm soát của GV.

Một vấn đề nữa thường gặp của hoạt động dạy học theo nhóm là có một số SV sẽ ỷ lại vào những bạn học giỏi hơn, nghĩ rằng những SV học tốt này sẽ giúp họ hoàn thành công việc được giao mà không tham gia hoạt động và cũng không đóng góp ý kiến, xây dựng bài hay soạn bài. Các nhóm có thể đi chệch hướng thảo luận do tác động của một vài cá nhân, hiện tượng chi phối, tách nhóm. Trên thực tế, các SV giỏi thường hay hoạt động cùng một nhóm nên rất khó cho GV đánh giá, hay các SV giỏi thường điều khiển cả nhóm nên các thành viên còn lại luôn cảm

thấy bị động, tự ti và không dám góp ý bài học. Thậm chí, các SV khá, giỏi quyết định hẳn luôn quá trình, kết quả thảo luận nhóm mà không cần lắng nghe ý kiến từ thành viên trong nhóm nên chưa đề cao sự tương tác bình đẳng và tầm quan trọng của từng thành viên trong nhóm. Nếu lấy kết quả thảo luận chung của nhóm làm kết quả học tập cho từng cá nhân thì chưa công bằng và chưa đánh giá đúng thực chất được sự nỗ lực của từng cá nhân trong nhóm.

Ngoài ra, GV sẽ mất thời gian chuẩn bị bài và thực hiện các hoạt động cho bài học. Đặc biệt nếu lớp học quá đông SV thì dẫn tới tình trạng ồn ào, khó kiểm soát và không thể khống chế đúng thời gian. Thông thường, đối với GV trẻ, chưa có kinh nghiệm sẽ gây trệch mục tiêu bài giảng do chưa có khả năng kiểm soát lớp tốt. Mặt khác, khi GV áp dụng cứng nhắc các hoạt động, quá thường xuyên một số hoạt động, hoặc thiếu sáng tạo, hoặc thời gian hoạt động nhóm quá dài thì hoạt động nhóm sẽ không có tác dụng, và lúc đó sẽ gây nhàm chán và giảm hiệu quả trong hoạt động học tập

2.4. Nâng cao hiệu quả của hoạt động cặp nhóm

2.4.1. Vai trò của GV

Hướng dẫn, tư vấn cho SV những cách học hiệu quả giúp họ cảm thấy hứng thú hơn trong việc học tiếng Anh (cách soạn bài, cách học từ vựng, vận dụng từ mới vào tình huống, học cách phát âm đúng, cách sử dụng cấu trúc, sắp xếp từ, sắp xếp ý tưởng để diễn đạt). Quan tâm nhiều hơn nữa đến động cơ, thái độ và chiến lược học; giúp họ đánh giá đúng đắn sự cần thiết của kỹ năng nói tiếng Anh cho nghề nghiệp tương lai của họ để từ đó có thể xác định được động cơ, thái độ học tập tích cực, chiến lược học có hiệu quả.

Đánh giá đúng thực lực của SV để từ đó đưa ra yêu cầu phù hợp. Không nên áp đặt một yêu cầu chung cho tất cả các nhóm lớp, tùy vào từng nhóm lớp mà có từng yêu cầu cụ thể. Vì yêu cầu quá thấp đối với SV khá, giỏi sẽ khiến cho họ cảm thấy nhàm chán và sẽ không có ý chí phấn đấu vươn lên nữa; yêu cầu quá cao đối với SV yếu sẽ đánh mất sự tự tin của, làm giảm sút sự hứng thú của họ. Khuyến khích SV hạn chế việc sử dụng tiếng Việt trong giờ học nói; hạn chế viết ra giấy học thuộc lòng trả bài trong những giờ thực hành nói.

Thiết kế nhiều loại hình hoạt động khác nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với từng nhóm SV để tạo ra sự đa dạng các hoạt động nói trong giờ học nói. Có thể cùng bài học nhưng trình độ các nhóm

chênh lệch nên phải thiết kế các hoạt động khác nhau để phù hợp với các bạn. Không gây áp lực học đối với SV yếu, lười học, thay vào đó động viên, khuyến khích để họ tự giác học.

Có chế độ thưởng phạt công bằng để SV có căn cứ tự đánh giá mức độ cố gắng và sự tiến bộ của chính mình, tạo quyết tâm học tập cho mình. Giảng viên có thể cho điểm cộng, điểm tham gia xây dựng bài của nhóm hay cá nhân và cộng tích lũy cho điểm 40% cuối kỳ, hoặc tặng các món quà nhỏ sau mỗi hoạt động nhằm khích lệ, động viên và giúp SV nỗ lực hơn trong giờ nói.

Tạo sự tự tin cho SV trong giao tiếp, không nên đặt nặng vấn đề phải nói đúng ngữ pháp khiến họ cảm thấy e ngại. Thay vào đó, khuyến khích SV cố gắng diễn đạt ý tưởng, diễn đạt những gì mình muốn nói một cách lưu loát để hình thành thói quen nói tiếng Anh và yêu thích nói tiếng Anh. Để giúp SV vượt qua rào cản tâm lý e ngại, thiếu tự tin, GV phải là người trực tiếp hướng dẫn người học tham gia các hoạt động giao tiếp. Trong quá trình giảng dạy, GV cần thường xuyên sử dụng tiếng Anh, cần quan tâm và tạo điều kiện cho người học, đặc biệt là những SV yếu, thiếu tự tin, thực hành nhiều hơn. GV có thể sử dụng một trong những thủ thuật như: mô tả tranh ảnh, trò chơi ngôn ngữ, hỏi - đáp, đóng vai (role-play), phỏng vấn (interview), tọa đàm (talk show) hay thảo luận, để giúp cho SV thực hành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Trong quá trình giảng dạy, GV cũng cần lồng ghép các yếu tố văn hóa, xã hội của người bản xứ trong các bài giảng nhằm giảm thiểu những hiểu nhầm hay sốc văn hóa.

2.4.2. Vai trò của SV

Xác định cho mình một động cơ, thái độ học tập đúng đắn, chiến lược học phù hợp để nâng cao chất lượng học. Từ đó thay đổi lại phương pháp học kỹ năng nói tiếng Anh cho phù hợp với yêu cầu mới. SV nên tích cực tham gia vào các hoạt động tại lớp; tận dụng thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp, trao đổi học hỏi và tích cực thảo luận trong giờ học nói để có thể được bạn bè sửa các lỗi sai, các hạn chế, và tránh viết ra để học thuộc đọc.

2.4.3. Vai trò của nhà trường

Thực hiện quy mô lớp nhỏ (30-35 người/lớp, nhóm) để SV có nhiều cơ hội thực hành giao tiếp hơn nữa. Trong khi SV đăng ký tin chỉ nên giới hạn và khóa số lượng sinh viên không quá 35 để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho GV trong việc quản lý, điều

hành lớp và tổ chức các hoạt động. Nhà trường cũng nên chia lớp theo trình độ để SV không có tâm lý e ngại khi nói trước công chúng và GV cũng sẽ thành công hơn trong việc tổ chức các hoạt động trong giờ dạy nói.

Thành lập và tăng cường hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh nhằm giúp SV có cơ hội thực hành kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, mở rộng các mối quan hệ, gặp gỡ.

3. Kết luận

Không thể phủ nhận tầm quan trọng của cách dạy truyền thống, GV giảng bài trên lớp cũng như hình thức thảo luận theo sự hướng dẫn của GV ở các trường đại học. Nhưng hiện nay phần lớn GV đã thấy được giá trị của việc học tập làm việc theo nhóm. Làm việc theo nhóm nhỏ trong và ngoài giờ học là một phần bổ sung quan trọng cho các bài giảng, giúp SV nắm vững các khái niệm và áp dụng vào các tình huống yêu cầu phải có các tư duy sắc bén.

GV có thể bắt đầu bằng việc giao bài tập về nhà, yêu cầu từng nhóm tự kiểm tra, và tìm ra vấn đề sau đó trình bày trước lớp. Khi bắt đầu áp dụng phương pháp này, đầu giờ GV sẽ dạy một chút rồi chuyển sang hoạt động nhóm. Khi đã quen, giờ học sẽ bắt đầu bằng hoạt động nhóm rồi kết thúc bằng bài giảng của GV để nhấn mạnh trọng tâm của bài học ngày hôm đó. Có thể ban đầu SV được yêu cầu làm việc theo đôi, rồi sau khi đã quen sẽ tăng số lượng thành viên mỗi nhóm.

Tài liệu tham khảo

1. Beebe, S. A., & Masterson, J. T. (2003). *Communicating in small groups*. Pearson Education Inc. Boston: Massachusetts.
2. Kagan, S. (1989). *Cooperative learning: Resources for teachers*. Riverside, CA: University of California.
3. PGS.TS Vũ Hoàng Ngân, Ths Trương Thị Nam Thắng. (2009). *Xây dựng và phát triển nhóm làm việc*. NXB Phụ nữ.
4. Benson, P & Voller, P. (1997). *Autonomy and Independence in Language Learning*. London: Longman.
5. Candy. (1991). *Self-direction for Lifelong Learning*. California: Jossey-Bass.
6. Canh, Lê Văn. (1998). *Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng nào?*. Trong Kỷ yếu HNNCKH “ Phương pháp dạy học bộ môn theo tinh thần đổi mới đào tạo đại học”. 1998. ĐHNN-ĐHQGHN.